

PHỤ LỤC C: BIỂU PHÍ SẢN PHẨM DỊCH VỤ THEO YÊU CẦU (chưa bao gồm thuế GTGT)
 (Áp dụng từ ngày 16/8/2021)

MÃ PHÍ	KHOẢN MỤC	Mức phí	Tối thiểu	Tối đa
X	PHÍ SẢN PHẨM DỊCH VỤ THEO YÊU CẦU			
	Đối với ủy thác cho vay chịu rủi ro			
X01DN	VND	2% số tiền ủy thác/năm		
X02DN	USD	1,4% số tiền ủy thác/năm		
X03DN	Vàng	1,4% số tiền ủy thác/năm		
	Đối với ủy thác cho vay không chịu rủi ro			
X04DN	Đối với ủy thác cho vay không chịu rủi ro (chung cho cả VND, USD, vàng)	1,0% số tiền ủy thác/năm		
X05DN	Phí chuyển nhượng vốn ủy thác (VND, USD, vàng)	0,05% số tiền	30.000 VND	
	Dịch vụ ủy thác đầu tư			
X06DN	Đến 1 tỷ VND	5%/lãi thực hoặc cổ tức được chia		
X07DN	Trên 1 tỷ VND	3%/lãi thực hoặc cổ tức được chia		
	Mua bán ngoại tệ			
X08DN	Đổi Travel cheque lấy ngoại tệ	1,5%		
X09DN	Đổi Travel cheque lấy VND	0,5%		
X10DN	Đổi ngoại tệ lấy Cheque	0,5%		
X11DN	Phí dịch vụ khác theo yêu cầu	Theo thỏa thuận		
X12DN	Dịch vụ XNK trọn gói	Theo từng gói sản phẩm		
X13DN	Trung gian thanh toán tiền hàng	0,2% số tiền	500.000 VND	30.000.000 VND
X14DN	Chuyển nhượng giấy tờ có giá	20.000 VND/lần		
X15DN	Phí thông báo mất giấy tờ có giá	20.000 VND/lần		
	Phí dịch vụ trọn gói áp tải tiền, vàng (thu 1 lần trước khi thực hiện dịch vụ)			
X16DN	Trường hợp áp tải không thường xuyên	0,05% số tiền/chuyển áp tải	500.000 VND	
X17DN	Trường hợp áp tải thường xuyên	Thỏa thuận	5.000.000 VND	
	Phí áp tải hàng hóa thu 1 lần trước khi thực hiện dịch vụ			
X18DN	Đối với hàng hóa dễ cháy nổ, hàng hóa công kênh khó vận chuyển	Theo thỏa thuận	500.000 VND	
X19DN	Đối với hàng hóa khác	Theo thỏa thuận	300.000 VND	
X20DN	Giải chấp tài sản từng phần (áp dụng với tài sản thế chấp là hàng hóa) thu 1 lần	Theo thỏa thuận	200.000 VND	8% giá trị tài sản thế chấp
X21DN	Xuất đối chiếu hồ sơ TSBĐ bản chính	- Theo yêu cầu của VAB: không thu phí '- Theo yêu cầu của khách hàng: 200.000 VND/1 lần		
	Hoàn đổi tài sản			
X22DN	Sổ tiết kiệm và giấy tờ có giá do VietABank phát hành	100.000 VND/tài sản		
X23DN	Bất động sản	100.000 VND/tài sản		
X24DN	Động sản	200.000 VND/tài sản		

MÃ PHÍ	KHOẢN MỤC	Mức phí	Tối thiểu	Tối đa
X25DN	Tài sản khác	0,3% giá trị	200.000đ	2.000.000đ
	Cấp bản sao giấy tờ, hồ sơ tín dụng			
X26DN	Hồ sơ tài sản bảo đảm của khách hàng	100.000 VND/bản		Thỏa thuận
X27DN	Giấy tờ khác	100.000 VND/bản		Thỏa thuận
X28DN	Dịch vụ tư vấn đầu tư (thẩm định dự án, lập dự án)	Thỏa thuận		
	Tư vấn lập dự án đầu tư, phương án sản xuất kinh doanh			
X29DN	Phí tư vấn lập dự án đầu tư	Thỏa thuận theo hợp đồng	10.000.000 VND	
X30DN	Phí tư vấn lập kế hoạch kinh doanh hàng năm hoặc theo thương vụ		10.000.000 VND	
X31DN	Phí tư vấn tài chính tái cấu trúc vốn		10.000.000 VND	
X32DN	Phí cấp thư xem xét thu xếp cấp tín dụng	0,03%/số tiền	500.000 VND	Thỏa thuận
X33DN	Mượn bản chính hồ sơ tài sản bảo đảm			
	Thời gian mượn ≤ 02 ngày làm việc		300.000 VND	Thỏa thuận
	Thời gian mượn > 02 ngày làm việc		500.000 VND	Thỏa thuận
	Phí dịch vụ giao dịch qua fax/email			
X34DN	Phí thực hiện giao dịch qua fax/Email	50.000 VND/tháng		
X35DN	Phí chậm bổ sung chứng từ bản chính	50.000 VND/ngày/ chứng từ		
X36DN	Phí không bổ sung chứng từ bản chính	500.000 VND/chứng từ		
X37DN	Phí xác nhận thông tin theo yêu cầu của khách hàng (được VietABank chấp thuận)	300.000 VND/lần		
Ghi chú:				
- Mức thuế GTGT áp dụng với phụ lục này là 10%				
Đối với trường hợp hoán đổi tài sản khi phát hành bảo lãnh:				
Thu phí theo mức phí hoán đổi tài sản + phần chênh lệch phí phát hành bảo lãnh đối với loại TSĐĐ hoán đổi tính từ thời điểm hoán đổi				
Không thu phí đối với trường hợp chuyển từ BĐS, ĐS, tài sản khác sang Sổ/Thẻ tiết kiệm/HĐTĐ và GTCG do VAB phát hành.				
Đối với Phí Cấp bản sao giấy tờ, hồ sơ tín dụng: không thu phí				
Cấp bản sao giấy tờ, hồ sơ tín dụng phục vụ cho việc thế chấp TSĐĐ của KH tại VAB/Theo yêu cầu của VAB				
Đối với Phí mượn bản chính hồ sơ tài sản bảo đảm: Không thu phí khi:-				
Cho mượn hồ sơ TSĐĐ là Giấy tờ xe để đi công chứng phục vụ cho việc cấp lưu hành xe.				
Cho mượn hồ sơ tài sản đảm bảo phục vụ cho việc thế chấp TSĐĐ của KH tại VAB				